

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1115** /BQP-ĐN

Hà Nội, ngày **15** tháng 4 năm 2025

V/v thẩm định Hồ sơ dự thảo
Nghị định thay thế Nghị định số
104/2012/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ Bùi Thanh Sơn tại Công văn số 8099/VPCP-NC ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Văn phòng Chính phủ về việc giao Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 104/2012/NĐ-CP quy định đối với tàu quân sự nước ngoài đến nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Nghị định số 104/2012/NĐ-CP);

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Quốc phòng đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan tiến hành tổng kết thi hành Nghị định số 104/2012/NĐ-CP¹; lập Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 104/2012/NĐ-CP²; xây dựng Hồ sơ dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định đối với tàu quân sự nước ngoài đến nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tàu quân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đi nước ngoài (Nghị định).

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Quốc phòng đã thành lập Tổ Biên tập gồm đại diện các bộ, ngành có liên quan (*Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Xây dựng, Văn phòng Chính phủ*) và các cơ quan, đơn vị trong Quân đội; tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế; nghiên cứu thông tin, tư liệu; tổ chức hội thảo, khảo sát thực tế; gửi xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương (*Công văn số 1190/BQP-ĐN ngày 13 tháng 3 năm 2025*)³ và đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Quốc phòng để lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân có liên quan. Cơ quan soạn thảo đã trực tiếp xin ý kiến của Sở Ngoại vụ các tỉnh, thành phố: Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Khánh Hòa, Bà Rịa - Vũng Tàu. Bộ Quốc phòng đã tiếp thu tối đa các ý kiến tham gia và hoàn chỉnh Hồ sơ dự thảo Nghị định, gồm:

1. Dự thảo Tờ trình Chính phủ;
2. Dự thảo Nghị định;

(1) Báo cáo tổng kết số 4371/BQP-ĐN ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Bộ Quốc phòng.

(2) Tờ trình số 4370/TTr-BQP ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Bộ Quốc phòng.

(3) Đến nay, Bộ Quốc phòng đã nhận được 9/11 văn bản tham gia ý kiến của các Bộ: Công an, Tư pháp, Ngoại giao, Tài chính, Xây dựng và UBND các tỉnh, thành phố: Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Khánh Hòa (*Văn phòng Chính phủ, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chưa có văn bản tham gia ý kiến*).

3. Báo cáo tổng kết thi hành Nghị định số 104/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định đối với tàu quân sự nước ngoài đến nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

4. Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định;

5. Bản so sánh, thuyết minh của dự thảo Nghị định;

6. Báo cáo đánh giá tác động của chính sách dự thảo Nghị định;

7. Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, ngành, địa phương đối với Hồ sơ dự thảo Nghị định;

8. Bản sao ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương có liên quan.

Để có cơ sở báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định, Bộ Quốc phòng trân trọng đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định Hồ sơ dự thảo Nghị định nêu trên (có dự thảo các văn bản và tài liệu kèm theo).

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng BQP (để b/c);
- Đ/c Thứ trưởng Hoàng Xuân Chiến;
- Bộ Tổng Tham mưu;
- Cục Đối ngoại/BQP;
- Vụ Pháp chế/BQP;
- Lưu: VT, VPC, ĐN. Giang10. 

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng Hoàng Xuân Chiến

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-BQP

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Ban hành Nghị định quy định đối với tàu quân sự nước ngoài đến nước
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tàu quân sự nước
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đi nước ngoài**

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Chương trình làm việc của Chính phủ, Bộ Quốc phòng kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định đối với tàu quân sự nước ngoài đến nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tàu quân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đi nước ngoài, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Ngày 05 tháng 12 năm 2012, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 104/2012/NĐ-CP quy định đối với tàu quân sự nước ngoài đến nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Nghị định số 104/2012/NĐ-CP). Sau 13 năm thi hành, Nghị định số 104/2012/NĐ-CP đã góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam; đảm bảo công tác quản lý an ninh, trật tự, an toàn và chấp hành pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; khẳng định chủ trương, chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về tăng cường phát triển và mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc phòng vì mục đích hòa bình trong thời kì hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo; cục diện thế giới ở giai đoạn chuyển dịch chiến lược quan trọng, từ “nhất siêu, đa cường” sang “đa cực, đa trung tâm”; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng, diễn ra toàn diện cả về địa chiến lược, quân sự, kinh tế - thương mại, tài chính, tiền tệ, truyền thông, khoa học - công nghệ, hệ giá trị và tại các thể chế đa phương. Tình hình Biển Đông diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất ổn định. Các nước tăng cường hiện diện ở khu vực, tiến hành các hoạt động thực thi quyền tự do hàng hải, tuần tra, huấn luyện, diễn tập,...; số lượng tàu quân sự, tàu công vụ các nước hoạt động ở Biển Đông ngày càng tăng dẫn đến nhu cầu vào các cảng Việt Nam ngày càng cao, các nước cũng đề xuất tổ chức ngày càng nhiều các hoạt động trên bờ, trên biển trong khuôn khổ các chuyến thăm tàu. Nghị định số 104/2012/NĐ-CP trở nên bất cập, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định cho phù hợp. Cụ thể như sau:

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Việc ban hành Nghị định là nhằm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng về nhiệm vụ hội nhập quốc tế, đối ngoại quốc phòng để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa trong Kết luận số 53-KL/TW ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng đến năm 2030 và những năm tiếp theo đã đưa ra các nhiệm vụ và giải pháp, trong đó có nhiệm vụ, giải pháp: *(i)* Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng; *(ii)* Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế và đầu tư nguồn lực cho hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Các văn bản quy phạm pháp luật về hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng phù hợp với luật pháp và thông lệ quốc tế, nhất là luật hóa các điều ước quốc tế, các văn bản pháp luật đã ký kết trong lĩnh vực hợp tác quốc phòng, quân sự, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với văn bản pháp luật đối ngoại quốc gia.

b) Việc xây dựng, ban hành Nghị định nhằm cụ thể hóa nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ phù hợp với nguyên tắc phân định thẩm quyền quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ 2025; đồng thời, điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của một số bộ, ngành sau sáp nhập, hợp nhất theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII và Kết luận số 126-KL/TW ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

c) Xây dựng, ban hành Nghị định để hoàn thiện hành lang pháp lý, tạo cơ sở, nền tảng vững chắc cho thực hiện nhiệm vụ hội nhập quốc tế, đối ngoại quốc phòng để bảo vệ chủ quyền quốc gia.

d) Các văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ xây dựng Nghị định số 104/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, nhiều Pháp lệnh được nâng lên thành Luật, do đó cần phải rà soát, điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn thông lệ quốc tế và các văn bản pháp luật hiện hành, như: Luật Tổ chức Chính phủ năm 2001 được thay thế bằng Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025; Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2005 được thay thế bằng Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015; Pháp lệnh về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2000 được thay thế bằng Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của

người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019, năm 2023); Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2011 được thay thế bằng Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024.

2. Cơ sở thực tiễn

Nghị định số 104/2012/NĐ-CP quy định về tàu quân sự nước ngoài đến nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (*sau đây gọi tắt là tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam*) thực hiện các chuyến thăm, sửa chữa và các hoạt động khác tại lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên, các quy định này còn chưa cụ thể nên khi triển khai thực hiện dẫn đến vướng mắc bất cập và khó xác định cơ quan chịu trách nhiệm; như: *(i)* Tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 104/2012/NĐ-CP quy định: Tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam phải tôn trọng, tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, quy định tại Nghị định này, trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa quốc gia có tàu và *các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam* qua đường ngoại giao trước khi tàu đến Việt Nam; *(ii)* Tại khoản 10 Điều 5 Nghị định số 104/2012/NĐ-CP quy định: Sử dụng thợ lặn hoặc các thiết bị lặn ngầm khác dưới nước khi chưa được *cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép*.

Một số quy định về việc nhập, xuất cảnh; đi bờ; tham quan du lịch đối với thuyền viên tàu quân sự nước ngoài của Nghị định số 104/2012/NĐ-CP không còn phù hợp với Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, như: *(i)* Điểm b khoản 4 Điều 11 Nghị định số 104/2012/NĐ-CP cho phép thuyền viên sử dụng Thẻ quân nhân hoặc Chứng minh thư quân nhân, nhưng Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 lại quy định người nước ngoài nhập, xuất cảnh phải có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; *(ii)* Điểm a khoản 3 Điều 12 Nghị định số 104/2012/NĐ-CP quy định Biên phòng cửa khẩu cảng được cấp “*Giấy phép tham quan du lịch*”, nhưng Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 lại không quy định Biên phòng cửa khẩu cảng được cấp Giấy phép này; *(iii)* Điểm a khoản 5 Điều 15 Nghị định số 104/2012/NĐ-CP quy định “*nếu thành viên tàu quân sự nước ngoài thuộc diện được miễn thị thực xuất, nhập cảnh vào Việt Nam sẽ không cần phải xin cấp thị thực nhập cảnh khi có nhu cầu đi ra khỏi phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tàu, thuyền neo đậu*”, nhưng điểm đ khoản 1 Điều 44 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2023) quy định: “*Thuyền viên trên các tàu, thuyền nhập cảnh Việt Nam được đi bờ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*

nơi tàu, thuyền neo đậu; trường hợp đi ra ngoài phạm vi trên hoặc xuất cảnh khỏi lãnh thổ Việt Nam qua các cửa khẩu khác thì được xét cấp thị thực"; đồng thời, điểm b khoản 2 Điều 7 Luật này cũng quy định việc cấp thị thực theo danh sách (thị thực chung cho danh sách đoàn) đối với *"thành viên tàu quân sự nước ngoài đi theo chương trình hoạt động chính thức của chuyến thăm ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tàu, thuyền neo đậu"*; (iv) Điểm b khoản 4 Điều 15 Nghị định số 104/2012/NĐ-CP quy định thành viên của tàu quân sự nước ngoài được đi bờ từ 07h00-24h00 hằng ngày, còn theo Nghị định số 77/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng thì thuyền viên nước ngoài được đi bờ từ 01h00-24h00 hằng ngày.

Quy định về việc thông báo cấp phép hoặc từ chối cấp phép cho Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của Nghị định số 104/2012/NĐ-CP là 03 ngày làm việc kể từ ngày cấp phép hoặc từ chối cấp phép là chưa phù hợp, gây khó khăn cho việc chỉ đạo, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ, dẫn đến công tác phối hợp, tổ chức đón tàu không đảm bảo an toàn, có lúc còn chưa được chu đáo, trọng thị.

Việc bố trí các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn cho tàu, thành viên trên tàu tại các bến cảng nơi đón tàu quân sự nước ngoài là cảng thương mại còn vướng mắc do thiếu quy định cụ thể. Chương trình hoạt động của tàu quân sự nước ngoài thường xuyên thay đổi và phát sinh các hoạt động của các Đoàn đến thăm, gây khó khăn trong công tác cấp phép, kiểm tra, giám sát. Thuyền viên tàu quân sự thăm xã giao thường có nhu cầu đi tham quan các danh thắng ở tỉnh bạn nhưng quy định cho phép thuyền viên đi sang tỉnh khác chưa được thuận lợi. Bên cạnh đó, hiện nay chưa có quy định thành lập Ban Tổ chức đón tiếp nên có thời điểm gây khó khăn, lúng túng, chậm trễ cho phía tàu quân sự nước ngoài khi cần liên hệ để giải quyết, xử lý một số tình huống, vụ việc phát sinh, cần giải quyết, xử lý nhanh, tại chỗ. Thông tin, báo cáo của các bộ, ngành, đơn vị địa phương về một số hoạt động của tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam còn chưa có sự thống nhất dẫn đến việc xử lý còn chậm, chưa bảo đảm thời gian.

Việc không quy định người làm thủ tục phải gửi *"Thông báo tàu đến cảng"* cho lực lượng Bộ đội Biên phòng, thời gian thông báo tàu đến cảng ngắn gây khó khăn cho đơn vị trực tiếp làm công tác xây dựng kế hoạch và tổ chức, triển khai lực lượng đảm bảo an ninh trật tự.

Việc không cho phép sử dụng vũ khí bộ binh (súng trường) cho mục đích nghi lễ khi tàu neo đậu tại cảng đã gây ra phản ứng ngoại giao trong một số trường hợp. Ngoài ra, tàu quân sự của một số nước có các loại súng mô hình để

phục vụ tổ chức nghi thức lễ chào thượng cờ hoặc đón tiếp khi tàu cập cảng và rời cảng (trong Lễ đón và tiễn tàu, trong các buổi sáng trên tàu) mà Nghị định số 104/2012/NĐ-CP chưa đề cập đến cũng gây ra những khó khăn nhất định có thể làm ảnh hưởng đến hoạt động ngoại giao với các nước.

Một số tàu quân sự nước ngoài chưa chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật Việt Nam, như: Thuyền trưởng (Trưởng đoàn) hoặc người được ủy quyền khi làm thủ tục có những yêu cầu không đúng quy định tại Nghị định số 104/2012/NĐ-CP (dùng Thẻ quân nhân/Giấy chứng minh quân nhân đi bờ ngoài phạm vi tỉnh, thành phố nơi tàu neo đậu; làm từ thiện, thăm tặng quà không có kế hoạch, chưa được cho phép; khai báo chậm trễ, thiếu sót, không đúng quy định khi làm thủ tục nhập, xuất cảnh (như các thuyền viên của tàu sân bay Hoa Kỳ thăm Việt Nam vào các năm 2018, 2020, 2023 khi nhập cảnh Việt Nam đã không cung cấp cho cơ quan chức năng Việt Nam thông tin hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế (chỉ cung cấp mã số thủy thủ khi đi bờ), gây khó khăn cho công tác đảm bảo an ninh, an toàn chuyến thăm của tàu sân bay Hoa Kỳ); treo Quốc kỳ Việt Nam; bảo quản vũ khí; một số thuyền viên đi bờ vi phạm quy định của pháp luật Việt Nam (như trong chuyến thăm của tàu sân bay Hoa Kỳ tới Đà Nẵng tháng 6 năm 2023, thuyền viên tàu sân bay Hoa Kỳ mâu thuẫn, đập phá đồ đạc khách sạn; sử dụng xe máy xảy ra tai nạn giao thông dẫn đến tử vong,...).

Việc phối hợp, trao đổi thông tin về đón tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam chưa được thường xuyên, kịp thời nên hiệu quả trao đổi, phối hợp xử lý còn hạn chế dẫn đến việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của các lực lượng trực tiếp thực thi pháp luật còn chậm, hiệu quả chưa cao.

Quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 104/2012/NĐ-CP phát sinh một số vấn đề bất cập trong giải thích thuật ngữ, vận dụng quy định pháp luật; quy trình, thủ tục triển khai các hoạt động phối hợp huấn luyện trên biển; hoạt động tìm kiếm cứu nạn; hợp báo đưa tin; các dịch vụ hậu cần có liên quan đến tàu quân sự nước ngoài,...; có trường hợp còn chưa được các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp, triển khai chặt chẽ. Bên cạnh đó, trong thời gian neo đậu tại cảng, nhiều tàu quân sự nước ngoài có nhu cầu lặn, thả xuống, rô bốt,... để kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng định kỳ tàu. Tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể việc cấp giấy phép cho hoạt động trên.

Quy định về số lượng, tần suất, thời gian neo đậu đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam hiện không đáp ứng kịp nhu cầu, đề nghị của các nước về việc cho phép tàu quân sự của họ được đến Việt Nam thực hiện các chuyến thăm nhiều lần trong một năm (Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Pháp, Ấn

Độ,...), dẫn đến việc Bộ Quốc phòng phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, cấp phép. Bên cạnh đó, việc phát triển, mở rộng quan hệ đối ngoại quốc phòng sẽ làm tăng số lượng, chủng loại tàu quân sự nước ngoài đến cảng biển Việt Nam trong thời gian tới, trong đó có các loại tàu đặc biệt như tàu ngầm, tàu sân bay, tàu chạy bằng năng lượng hạt nhân. Tuy nhiên, Nghị định số 104/2012/NĐ-CP chưa có quy định cụ thể đối với các trường hợp này.

Mặt khác, Nghị định số 104/2012/NĐ-CP chưa quy định tàu quân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đi nước ngoài (sau đây gọi tắt là tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài), nhưng thực tiễn thời gian qua Việt Nam đã cử nhiều lượt tàu quân sự Việt Nam ra nước ngoài để thực hiện nhiệm vụ, như: các chuyến thăm xã giao, tham dự các lễ kỷ niệm, tham gia huấn luyện chung theo lời mời của Bộ Quốc phòng các nước, nhưng chưa có văn bản quy phạm pháp luật riêng điều chỉnh về hoạt động này.

Xuất phát từ cơ sở chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên thì việc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 104/2012/NĐ-CP là phù hợp và cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

Tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức triển khai các biện pháp quản lý tàu quân sự nước ngoài đến và rời nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cũng như tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài; góp phần thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng về nhiệm vụ hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng; tổ chức và hoạt động đón tiếp, xử lý các vấn đề về tàu quân sự nước ngoài tại Việt Nam, quản lý an ninh, trật tự, an toàn và bảo đảm chấp hành pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

a) Đảm bảo phù hợp với Hiến pháp và các quy định của pháp luật có liên quan; tuân thủ các điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

b) Bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quốc phòng, an ninh, đối ngoại quốc phòng, xuất cảnh, nhập cảnh... đối với tàu quân sự nước ngoài đến và rời Việt Nam và tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài.

c) Đảm bảo thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước về đối ngoại quốc phòng thông qua hoạt động tiếp nhận, đón tiếp tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam. Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy đối với tất cả

các nước trên thế giới, đồng thời là biện pháp khẳng định độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia, dân tộc.

d) Bảo đảm các quy định phải tạo điều kiện cho hoạt động của tàu quân sự nước ngoài đến và rời nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cũng như tàu quân sự Việt Nam ra nước ngoài.

đ) Hoàn thiện, bổ sung các quy định về thời hạn cấp phép, số lượng, thời gian neo đậu, chủng loại tàu quân sự đến thăm và làm việc tại cảng biển Việt Nam. Các quy định về thủ tục, giấy tờ và các điều khoản về kiểm tra, giám sát, xử lý đối với tàu quân sự nước ngoài, thuyền viên tại cảng và trên bờ.

e) Nội dung Nghị định phải rõ ràng, cụ thể, chặt chẽ, tính khả thi cao, vừa đảm bảo tạo thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện nhưng đồng thời cũng xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc quản lý nhà nước đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Quốc phòng đã tiến hành soạn thảo Nghị định, cụ thể như sau:

1. Thực hiện chỉ đạo của đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang (Công văn số 1778/VPCP-QHQT ngày 11 tháng 5 năm 2024 của Văn phòng Chính phủ), ngày 08 tháng 6 năm 2024, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã ban hành Quyết định số 2400/QĐ-BQP thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết và xây dựng Nghị định mới thay thế Nghị định số 104/2012/NĐ-CP.

2. Ngày 12/6/2024, Bộ Quốc phòng đã ban hành Quyết định số 2453/QĐ-BQP phê duyệt Kế hoạch tổng kết thi hành Nghị định số 104/2012/NĐ-CP và triển khai xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 104/2012/NĐ-CP. Ngày 12/6/2024, Bộ Quốc phòng có Công văn số 2191/BQP-ĐN đề nghị các bộ, ngành, địa phương triển khai tổng kết thi hành Nghị định số 104/2012/NĐ-CP. Trên cơ sở kết quả tổng kết của các bộ, ngành, địa phương, Bộ Quốc phòng có Báo cáo số 4371/BQP-ĐN ngày 11 tháng 10 năm 2024 gửi Thủ tướng Chính phủ.

3. Ngày 11/10/2024, Bộ Quốc phòng có Tờ trình số 4370/TTr-BQP báo cáo Thủ tướng Chính phủ về Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 104/2012/NĐ-CP.

Ngày 05/11/2024, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 8099/VPCP-NC thông báo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Bùi Thanh Sơn về việc đồng ý với kiến nghị của Bộ Quốc phòng, giao Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 104/2012/NĐ-CP.

4. Bộ Quốc phòng đã thành lập Tổ Biên tập xây dựng Nghị định gồm đại diện các bộ, ngành có liên quan (*Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Bộ Xây dựng, Văn phòng Chính phủ*) và các cơ quan, đơn vị trong Quân đội.

5. Bộ Quốc phòng đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan; nghiên cứu thông tin, tư liệu; tổ chức hội thảo; xin ý kiến bộ, ngành, địa phương liên quan (*Công văn số 1190/BQP-ĐN ngày 13 tháng 3 năm 2025*) và đăng tải lên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Quốc phòng để lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân có liên quan. Cơ quan soạn thảo trực tiếp xin ý kiến Sở Ngoại vụ các tỉnh, thành phố: Hồ Chí Minh, Bà Rịa-Vũng Tàu, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Hải Phòng. Bộ Quốc phòng đã tiếp thu tối đa các ý kiến tham gia và hoàn chỉnh Hồ sơ dự thảo Nghị định và gửi Bộ Tư pháp thẩm định (*Công văn số .../BQP-ĐN ngày ... tháng 4 năm 2025*).

6. Ngày .../.../2025, Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định số .../BCTĐ-BTP đối với Hồ sơ dự thảo Nghị định. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng đã nghiên cứu, tiếp thu và chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp phép; thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, chuyển cảng; kiểm tra, giám sát; đảm bảo an ninh, an toàn, công tác lễ tân và trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tàu quân sự nước ngoài đến nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tàu quân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đi nước ngoài.

b) Đối tượng áp dụng

- Tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam; tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài và thành viên trên tàu; các cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam và tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài.

- Các quy định của Nghị định này cũng được áp dụng đối với tàu thuyền công vụ được trang bị vũ khí quân dụng của một quốc gia, vùng lãnh thổ; tàu thuyền của một tổ chức quân sự quốc tế đến Việt Nam thực hiện các chuyến thăm, các hoạt động hợp tác khác hoặc sửa chữa.

- Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

2. Bố cục của Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 05 Chương với 29 Điều (so với Nghị định số 104/2012/NĐ-CP giảm 01 Chương và 12 Điều, 01 phụ lục), được kết cấu như sau:

- Chương I. Những quy định chung, gồm 05 Điều (từ Điều 1 đến Điều 5);
- Chương II. Tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam, gồm 12 Điều (từ Điều 6 đến Điều 17);
- Chương III. Tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài, gồm 03 Điều (từ Điều 18 đến Điều 20);
- Chương IV. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam và tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài, gồm 07 Điều (từ Điều 21 đến Điều 27);
- Chương V. Điều khoản thi hành, gồm 02 Điều (Điều 28 và Điều 29).

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

3.1. Chương I. Những quy định chung

Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị định: So với Nghị định số 104/2012/NĐ-CP có bổ sung tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài và trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam và tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài.

3.2. Chương II. Tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam

Quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp phép, thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, chuyển cảng đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam. Các hoạt động của tàu và đi bờ của thành viên trên tàu. Quy định về cấp giấy phép, kiểm tra, giám sát, đảm bảo an ninh, an toàn đối với các hoạt động liên quan đến tàu quân sự nước ngoài nơi tàu neo đậu. Nghi lễ đối ngoại.

Chương này cơ bản kế thừa Chương II của Nghị định số 104/2012/NĐ-CP, có điều chỉnh, bổ sung một số nội dung cho phù hợp, như: *(i)* Bổ sung quy định về thẩm quyền cấp phép cho các tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân; tàu sân bay (Khoản 1, Điều 6) để phù hợp với thực tiễn hiện nay Thủ tướng Chính phủ cho phép tàu sân bay của một số nước thăm Việt Nam; *(ii)* Điều chỉnh theo hướng tăng số lần tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam trong một năm, từ 01 lần/01 năm lên 03 lần/01 năm (khoản 2 Điều 11) để tạo điều kiện cho tàu quân sự của một quốc gia có thể cùng thực hiện kế hoạch giao lưu, thăm xã giao nhiều lực lượng thuộc Bộ Quốc phòng trong một năm (Quân chủng Hải quân, Cảnh sát biển Việt Nam, Bộ đội Biên phòng) khắc phục tình trạng Bộ Quốc phòng phải thường xuyên báo cáo, xin phép Thủ tướng Chính phủ khi thực tiễn xuất hiện những ngoại lệ vượt quá quy định trong Nghị định số 104/2012/NĐ-CP; *(iii)* Bổ sung cấp phép cho tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam sử dụng vũ khí bộ binh (súng trường) hoặc các loại súng mô hình để phục vụ cho mục đích nghi lễ; cấp phép sử dụng phương tiện bay (Khoản 1, Điều 15) và quy định việc lặn, thả xuống, rô bốt, phương tiện, thiết bị lặn khác để kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng định kỳ của tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam (Khoản 2, Điều 15); *(iv)* Trình tự, thủ tục báo cáo Thủ tướng Chính phủ và trình tự, thủ tục cấp phép đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam.

3.3. Chương III. Tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài

Chương này quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp phép cho tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài.

Đây là nội dung mới so với Nghị định số 104/2012/NĐ-CP nhằm phù hợp với thực tiễn. Trong thời gian qua Việt Nam đã cử nhiều lượt tàu quân sự đi nước ngoài để thực hiện nhiệm vụ, như: thực hiện các chuyến thăm xã giao, tham dự các lễ kỷ niệm, tham gia huấn luyện chung theo lời mời của các nước, nhưng chưa có văn bản quy phạm pháp luật riêng điều chỉnh về hoạt động này.

Nội dung này thể hiện đầy đủ, toàn diện công tác quản lý đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam và tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về đối ngoại quốc phòng.

3.4. Chương IV. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam và tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài

Chương này quy định nội dung, trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam và tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài; kế thừa nội dung còn phù hợp của Chương V Nghị định số 104/2012/NĐ-CP, đồng thời bổ sung trách nhiệm quản lý tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài.

3.5. Chương V. Điều khoản thi hành

Chương này quy định hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN NHÂN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực

a) Việc tổ chức triển khai các quy định về biện pháp thực hiện các hoạt động có liên quan đến tàu quân sự nước ngoài đến và rời Việt Nam; tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành, địa phương có liên quan trong phạm vi các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ thực hiện nhiệm vụ quốc phòng gắn hội nhập quốc tế, đối ngoại quốc phòng, thực tiễn vẫn đang được thực hiện. Do đó, việc triển khai thực hiện các quy định trên không phát sinh các chi phí trực tiếp đối với các cơ quan nhà nước; không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính, phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước.

b) Lực lượng tham gia thực hiện các nhiệm vụ quản lý hoạt động có liên quan đến tàu quân sự nước ngoài đến và rời Việt Nam; tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài và các lực lượng khác có liên quan của các cơ quan, đơn vị; không thành lập các lực lượng chuyên trách mới. Do đó, việc ban hành Nghị định không tăng tổ chức biên chế, không phát sinh chi phí mua sắm trang thiết bị; bổ

trí cán bộ hướng dẫn, xử lý, kiểm tra, thực hiện nhiệm vụ theo nội dung của Nghị định này sau khi được ban hành.

c) Các bộ, ngành, địa phương giao nhiệm vụ cho các cơ quan chức năng phối hợp tổ chức thực hiện theo lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công.

2. Điều kiện bảo đảm thi hành văn bản sau khi được thông qua

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định trong Nghị định tới các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp và cơ quan, tổ chức có liên quan ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị định sẵn sàng cho việc triển khai áp dụng Nghị định đảm bảo đồng bộ, thống nhất trên cả nước.

Các ban, bộ, ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng trong quá trình triển khai xây dựng và thực hiện các quy định của Nghị định.

Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thi hành Nghị định.

3. Thời gian trình ban hành Nghị định

Theo Chương trình công tác Chính phủ Quý II năm 2025, Bộ Quốc phòng trình Chính phủ ban hành trong tháng 6 năm 2025.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định đối với tàu quân sự nước ngoài đến nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tàu quân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đi nước ngoài, Bộ Quốc phòng kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Báo cáo thẩm định; Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; (3) Báo cáo Tổng kết thi hành Nghị định số 104/2012/NĐ-CP; (4) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định; (5) Bản so sánh, thuyết minh của dự thảo Nghị định; (6) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; (7) Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến của các bộ, ngành, địa phương; (8) Bản sao văn bản tham gia ý kiến của các bộ, ngành, địa phương).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng BQP;
- Đ/c TTMT - Thứ trưởng BQP;
- Đ/c Thứ trưởng Hoàng Xuân Chiến;
- Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Đối ngoại/BQP;
- Vụ Pháp chế/BQP;
- Lưu: VT, CĐN, VPC. Giảng 11.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Phan Văn Giang

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định đối với tàu quân sự nước ngoài đến nước
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tàu quân sự nước
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đi nước ngoài**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật An ninh quốc gia ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Biên giới quốc gia ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quốc phòng ngày 08 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Cảnh sát biển Việt Nam ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Biên phòng Việt Nam ngày 11 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 24 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định đối với tàu quân sự nước ngoài đến nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tàu quân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đi nước ngoài.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp phép; thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, chuyển cảng; kiểm tra, giám sát; đảm bảo an ninh, an toàn, công tác lễ tân và trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tàu quân sự nước ngoài đến nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi tắt là tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam) và tàu quân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đi nước ngoài (sau đây gọi tắt là tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam; tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài và thành viên trên tàu; các cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam và tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài.

2. Các quy định của Nghị định này cũng được áp dụng đối với tàu thuyền công vụ được trang bị vũ khí quân dụng của một quốc gia, vùng lãnh thổ; tàu thuyền của một tổ chức quân sự quốc tế đến Việt Nam thực hiện các chuyến thăm, thực hiện các hoạt động hợp tác khác hoặc sửa chữa.

3. Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tàu quân sự nước ngoài là tàu thuyền thuộc lực lượng vũ trang của một quốc gia và mang dấu hiệu bên ngoài thể hiện rõ quốc tịch của quốc gia đó, do sĩ quan hải quân phục vụ quốc gia đó chỉ huy, người chỉ huy này có tên trong danh sách sĩ quan hay trong một tài liệu tương đương; hoạt động của thủy thủ đoàn phải tuân theo các điều lệnh kỷ luật quân sự.

2. Tàu quân sự Việt Nam là tàu thuyền thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng Việt Nam, mang dấu hiệu bên ngoài thể hiện quốc tịch Việt Nam, do sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam chỉ huy, người chỉ huy tàu có tên trong danh sách sĩ quan hay trong một tài liệu tương đương, hoạt động của thủy thủ đoàn phải tuân theo các điều lệnh kỷ luật quân đội.

3. Tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam là các tàu quân sự của nước ngoài đến lãnh hải, nội thủy và cảng biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện các chuyến thăm, thực hiện các hoạt động hợp tác khác và sửa chữa. Tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài là các tàu quân sự của Việt Nam đến lãnh hải, nội thủy và cảng biển của nước ngoài thực hiện các chuyến thăm, thực hiện các hoạt động hợp tác khác và sửa chữa.

4. Tàu quân sự thực hiện các chuyến thăm là tàu quân sự của một nước đến nước kia để giao lưu, hợp tác với mục đích tăng cường quan hệ hữu nghị giữa nhân dân và lực lượng quân đội hai quốc gia.

5. Tàu quân sự thực hiện các hoạt động hợp tác khác là các tàu quân sự của một nước đến nước kia thực hiện các hoạt động: tuần tra chung; nhân đạo; tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn; đo đạc, khảo sát và nghiên cứu biển; tìm kiếm hải cẩu; chống cướp biển, bao gồm cả hoạt động ghé đậu, thực hiện các dịch vụ bảo đảm cho các hoạt động trên; hoặc cho thủy thủ đoàn nghỉ ngơi và một số hoạt động chuyên ngành khác theo thỏa thuận giữa quốc gia nơi tàu đến và quốc gia có tàu.

6. Tàu quân sự của một nước đến nước kia để sửa chữa là các tàu quân sự đến bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa theo hợp đồng với các doanh nghiệp của quốc gia nơi tàu đến.

7. Thành viên trên tàu quân sự nước ngoài là Trưởng đoàn (nếu có), Thuyền trưởng, thủy thủ và những người khác cùng đi trên tàu.

8. Giấy tờ đi lại quốc tế của thành viên tàu quân sự là Thẻ quân nhân hoặc Giấy chứng minh quân nhân hoặc danh sách thành viên do cơ quan đại diện ngoại giao của nước cử tàu cung cấp.

9. Cảng quân sự là cảng do Bộ Quốc phòng Việt Nam quản lý và hoạt động theo quy chế cảng quân sự.

10. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển bao gồm Biên phòng cửa khẩu cảng; Hải quan cửa khẩu cảng; Cảng vụ hàng hải; Kiểm dịch y tế quốc tế; Kiểm dịch động vật, thực vật cửa khẩu cảng.

11. Người làm thủ tục là Trưởng đoàn hoặc Thuyền trưởng hoặc người được ủy quyền.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam và tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài

1. Đối với tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 95 của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2018, 2023 và các quy định sau:

a) Tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam vi phạm các quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam được giải quyết qua đường ngoại giao trên cơ sở pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

b) Trưởng đoàn hoặc Thuyền trưởng tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam chịu trách nhiệm về những hậu quả do hành vi vi phạm pháp luật của các thành viên trên tàu gây ra trong thời gian hoạt động tại Việt Nam;

c) Thành viên của tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam có hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam bị xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam (trừ người được hưởng quyền ưu đãi và miễn trừ về ngoại giao);

d) Khi xảy ra tai nạn hàng hải đối với tàu hay phát hiện tai nạn hoặc vụ việc khác liên quan đến an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, Trưởng đoàn hoặc Thuyền trưởng tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam có trách nhiệm thông báo ngay cho Biên phòng cửa khẩu cảng và báo cáo tai nạn hàng hải theo quy định;

đ) Việc xử lý tai nạn hàng hải có liên quan đến tàu quân sự nước ngoài đến Việt Nam thực hiện theo quy định tại Bộ Luật Hàng hải Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

2. Đối với tàu quân sự Việt Nam đi nước ngoài

a) Tuân thủ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của Bộ Quốc phòng về hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng;

b) Thực hiện đúng kế hoạch hoạt động của tàu, lực lượng, vũ khí trang bị kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Chấp hành nghiêm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật quân sự;

d) Tôn trọng và tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật của nước sở tại nơi tàu đến và các điều ước quốc tế mà nước sở tại và Việt Nam cùng là thành viên.

Điều 5. Các hoạt động tàu quân sự nước ngoài không được thực hiện khi đến Việt Nam

1. Xâm phạm độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Thu thập tình báo, quay phim, chụp ảnh, vẽ cảnh đồ ở khu vực cấm và những hành vi khác, gây phương hại đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Tuyên truyền, phát tán tài liệu, sách báo, phim ảnh, văn hóa phẩm mà chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng Việt Nam.

4. Vận chuyển vũ khí giết người hàng loạt, các chất phóng xạ, chất độc hóa học, chất độc sinh học, chất ma túy.

5. Đưa người, hàng hóa và phương tiện xuống hoặc rời tàu trái với quy định của pháp luật Việt Nam về nhập cảnh, xuất cảnh, xuất nhập khẩu trừ trường hợp cứu người bị nạn nhưng sau đó phải thông báo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành Việt Nam có thẩm quyền tại cảng biển.

6. Phóng đi, tiếp nhận hay xếp lên tàu bất kỳ phương tiện bay hay khí tài quân sự mà chưa được phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng Việt Nam.

7. Các hoạt động nghiên cứu, đo đạc, đánh bắt hải sản, trao đổi mua bán hoặc gây nhiễu hệ thống thông tin liên lạc, radar, cản trở giao thông vận tải mà chưa được phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

8. Gây ô nhiễm môi trường, làm hư hại các thiết bị, công trình trên biển và ở cảng biển.